ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 495/BC-UBND	*Đại Đồng, ngày 22 tháng 9 năm 2026*

BÁO CÁO GIÁM SÁT
Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đại Đồng
(Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 30/8/2026)

Kính gửi:
- Hội đồng nhân dân xã Đại Đồng;
- Đoàn giám sát, Ban VH-XH, HĐND xã Đại Đồng.

Căn cứ Quyết định số 03 /QĐ-ĐGS ngày 26/8/2026 của Đoàn giám sát, Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND xã về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND xã về "Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia" trên địa bàn xã Đại Đồng;

Thực hiện Kế hoạch số 01/KH-ĐGS ngày 26/8/2026 của Đoàn giám sát, Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND xã giám sát về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đại Đồng;

Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đại Đồng như sau:

A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG

1. Đặc điểm chung

Xã Đại Đồng là một vùng đất có lịch sử lâu đời, được hình thành và phát triển cùng với châu thổ Bắc Bộ, trên cơ sở sáp nhập 03 xã cũ (Đại Đồng, Việt Hưng, Lương Tài) thành xã Đại Đồng mới, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025. Sau sáp nhập, xã Đại Đồng có diện tích đất tự nhiên khoảng 25,684km2, quy mô dân số 33.098 người, sinh sống quần tụ tại 11 thôn. Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hướng dẫn chuyên môn sâu sát của các sở, ngành, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Đại Đồng đã luôn chung sức đồng lòng, phát huy tinh thần tự lực tự cường, hợp tác linh hoạt, khắc phục những tồn tại khó khăn, định hướng, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trọng tâm xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội

số gắn với các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Hiện nay, toàn xã có tổng số cán bộ, công chức là 35 người (không tính khối Đảng), đang công tác, thực thi nhiệm vụ tại các phòng, ban: Văn phòng HĐND-UBND; Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế. 100% cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức của xã có trình độ Đại học, trong đó có 25,7% cán bộ, công chức có trình độ Thạc sỹ.

2. Tình hình hạ tầng và mức độ tiếp cận công nghệ số

Tình hình hạ tầng công nghệ thông tin của xã hiện nay đang trong quá trình chuyển đổi khá mạnh mẽ, các trang thiết bị đầu cuối, máy tính, máy in, hệ thống mạng LAN được đầu tư, nâng cấp; hệ thống đường truyền internet băng rộng được nâng cấp; các thiết bị bảo mật dần được đầu tư (hệ thống tường lửa - firewall, phần mềm phòng, chống mã độc,...); đã cơ bản khắc phục được tình trạng lõm sóng tại trụ sở chính và trên địa bàn toàn xã. Xã đã bố trí cán bộ chuyên trách phụ trách trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ, an ninh mạng,...

Mức độ (tỷ lệ) sử dụng điện thoại thông minh (smartphone) của dân số đủ tuổi trưởng thành trong xã chiếm khoảng trên 90% (trừ những người già, người khiếm thị,...). 100% trụ sở, cơ quan, đơn vị công lập, địa bàn thôn, hộ gia đình trong xã được phủ mạng cáp quang băng rộng (tính cả những gói dùng chung) và cơ bản được phủ sóng 4G.

Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn tình trạng có một số máy tính, thiết bị công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức đã cũ, cấu hình thấp, thậm chí hết thời gian khấu hao, dễ hỏng hóc; phần mềm phòng, chống mã độc sắp hết hạn; chưa có nhân lực được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, an ninh mạng; nguồn kinh phí bảo trì và dành cho các hoạt động đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị còn hạn chế (chưa đảm bảo tối thiểu 3% theo quy định).

3. Thuận lợi, khó khăn

Trong thơi gian qua, sự phát triển của các lĩnh vực trong đời sống xã hội và các điều kiện về tự nhiên - xã hội, nguồn lực, tiềm lực đã và đang mang đến những thuận lợi và khó khăn nhất định trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn toàn xã.

3.1. Thuận lợi

- Hệ thống chính sách, pháp luật và những văn bản dưới Luật về công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hiện hành, nhất là Luật Khoa học và Công nghệ đã và đang tạo hành lang pháp lý, khuyến khích các hoạt động sáng tạo, sáng kiến, bảo hộ thành quả lao động của các tập thể, cá nhân, góp phần phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế, y tế, giáo dục, văn hóa - xã hội,...

- Công tác triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND&UBND tỉnh, Đảng ủy xã Đại Đồng và sự hướng dẫn sâu sát về chuyên môn của Sở Khoa học - Công nghệ, Công an tỉnh, được các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng tích cực, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các phòng, ngành, đơn vị xã đoàn kết, cầu thị, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyên môn, nhất là đối với lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với tăng trưởng kinh tế trên địa bàn toàn xã.

- Việc thông tin tuyên truyền các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số luôn được đẩy mạnh; UBND xã đã triển khai thực hiện, lồng ghép với các nhiệm vụ chính trị của địa phương và các nhiệm vụ chuyên môn theo từng ngành, lĩnh vực.

- Nhận thức của đông đảo người dân về vai trò, tầm quan trọng, lợi ích của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đang ngày càng có những chuyển biến tích cực.

3. 2. Khó khăn

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi như trên, công tác khoa học, công nghệ, chuyển đổi số xã Đại Đồng cũng đang có những "điểm nghẽn" thật sự cần thiết được tháo gỡ, xử lý kịp thời:

- Do xã mới được sáp nhập, thành lập, chính thức hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025 với nguồn nhân lực chưa đồng đều, chưa có nhân lực được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, an ninh mạng. Sau sáp nhập, theo phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, khối lượng nhiệm vụ công việc của xã mới nhiều, quá tải, thời hạn xử lý, hoàn thành ngắn với độ khó của công việc ngày càng đòi hỏi cao hơn, nhiều nhiệm vụ được giao hỏa tốc và phát sinh gấp, trong khi số lượng cán bộ, công chức, viên chức được tạm giao theo định biên thì hạn chế, có nhiều nhiệm vụ, vị trí việc làm thiếu công chức chuyên trách thực hiện, có những cán bộ, công chức phải gồng gánh, kiêm nhiệm mấy vị trí việc làm,... dễ ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng của nguồn sản phẩm đầu ra.

- Một số hệ thống phần mềm dùng chung, cổng dịch vụ công trực tuyến đôi lúc còn tình trạng bị chậm, nghẽn, "đơ", "treo" mạng vào khoảng thời gian cao điểm, lỗi kết nối, chưa đồng bộ dữ liệu liên thông giữa cấp cơ sở với tỉnh, các bộ, ngành; một số thủ tục hành chính trực tuyến còn phức tạp về thao tác, trình tự, có thể gây khó khăn cho một bộ phận người dân. Còn tình trạng một số người dân chưa kịp hoàn thành đăng ký sử dụng số điện thoại chính chủ, ảnh hưởng đến công tác định danh điện tử và sử dụng dịch vụ công.

- Là một xã có mật độ công ty, doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể mỏng, chủ yếu phát triển kinh tế nông nghiệp, thương mại, vận tải, dịch vụ và công nghiệp còn yếu, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công tác sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ chưa phong phú, chủ yếu gắn với lĩnh vực nông nghiệp, nghề truyền thống (sản phẩm OCOP rượu Hải Tửu, sản phẩm đúc đồng của làng nghề truyền thống, sản phẩm hoa cúc chi của hợp tác xã hữu cơ Xuân Đào,...). Việc ứng dụng những tiến bộ của khoa học vào các lĩnh vực đời sống xã hội còn hạn chế, mới chủ yếu ở lĩnh vực nông nghiệp, địa phương có ít sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng đề nghị Tỉnh xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chưa phát huy được giá trị, đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác quán triệt, ban hành văn bản và xây dựng Kế hoạch

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 23/7/2025 về thực hiện các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: số 416- KH/TU ngày 22/4/2025; số 433-KH/TU ngày 11/6/2025; số 440-KH/TU ngày 20/6/2025; số 443-KH/TU ngày 25/6/2025; Thông báo Kết luận số 06 -TB/BCĐ ngày 12/9/2025; Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 14/01/2026 của Tỉnh ủy Hưng Yên về triển khai thực hiện Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng năm 2026; Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 10/3/2026 của Tỉnh ủy Hưng Yên về chỉnh lý và thực hiện số hóa tài liệu tồn đọng của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã sau sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 64-KH/TU ngày 22/4/2026 của Tỉnh ủy Hưng Yên về tiếp tục triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030, ...

Căn cứ tình hình thực tiễn địa phương, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng đã tuyên truyền, quán triệt, phổ biến, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo tới cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị xã. Triển khai nhiệm vụ tại cuộc họp thành viên ủy ban, giao ban, tập huấn, họp nội dung công việc theo từng ngành, đơn vị,... Thực hiện chỉ đạo, giao nhiệm vụ trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành chung của xã; chỉ đạo trên các nền tảng mạng xã hội hợp pháp (thành lập nhóm zalo công việc) điều hành chỉ đạo tích cực sử dụng hòm thư điện tử công vụ trong tiếp nhận, xử lý, trao đổi công việc với cấp trên, cùng cấp theo quy định (trừ những văn bản, nhiệm vụ mật theo quy định). Qua công tác chỉ đạo, điều hành sát sao, nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp và đáp ứng yêu cầu của hoạt động mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo theo quy định. UBND xã đã ban hành tổng số 344 văn bản (Quyết định, Kế hoạch, Công văn,...), để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Cụ thể:

(Theo Phụ lục 01 đính kèm)

Nhằm thúc đẩy triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, UBND xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội, Công an xã chủ động phối hợp, đưa các nhiệm vụ chuyển đổi số vào Kế hoạch, Chương trình công tác hằng năm của xã, của các cơ quan, đơn vị, trường học, gắn với thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về cải cách hành chính, thực hiện Đề án 06 và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức bộ máy, nhân lực và công tác đào tạo, tập huấn

*** Về tổ chức bộ máy**

- Đồng chí Chủ tịch UBND xã điều hành, lãnh đạo, chỉ đạo chung về nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của xã; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy về nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Đồng chí Phó chủ tịch phục trách điều hành, chỉ đạo trực tiếp nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chịu trách nhiệm trước UBND xã, Chủ tịch UBND xã về chất lượng, tiến độ, kết quả của công tác chuyển đổi số.

- Công an xã - Thường trực Ban chỉ đạo xã (Sau kiện toàn) chịu trách nhiệm trước UBND xã, Chủ tịch UBND xã, Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực về việc chủ trì, theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính, Đề án 06. Thực hiện nhiệm vụ Tổ trưởng tổ Đề án 06; thực hiện đảm bảo công tác an taonf thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước,...

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Chịu trách nhiệm trước UBND xã, Chủ tịch UBND xã, Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực về việc chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa, cải cách hành chính. Thực hiện nhiệm vụ Tổ trưởng của 02 tổ (Tổ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; Tổ cải cách hành chính).

- Các phòng, ngành, đơn vị xã phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, an ninh mạng,... theo lãnh đạo xã, Ban chỉ đạo xã phân công; cử đầu mối thực hiện kịp thời các nhiệm vụ chuyển đổi số đảm bảo quy định.

*** Về nguồn nhân lực số**

Để kịp thời triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hiệu quả, UBND xã đã bố trí 01 đồng chí Phó trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị thuộc xã cử cán bộ đầu mối

phụ trách công tác chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; đã tiến hành rà soát, lập danh sách gửi tỉnh báo cáo về nhân lực phụ trách triển khai công tác chuyển đổi số toàn xã; đã rà soát, lập danh sách cử đầu mối phụ trách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gửi tỉnh; đã ban hành Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo xã, thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong thủ tục hành chính; thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng của xã và các thôn; đã tiến hành rà soát nhân lực phụ trách, vận hành Đài truyền thanh xã,... ; đã cử 01 công chức Phòng Văn hóa - Xã hội theo học văn bằng 2, chuyên ngành CNTT do Sở Nội vụ tỉnh tham mưu, triệu tập. Qua đó, cơ bản góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

*** Việc thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã**

- Năm 2025, UBND xã đã xây dựng và ban hành các Quyết định: Số 30/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06; số 04/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 về việc thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính xã Đại Đồng; số 29/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 về việc thành lập Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng; số 37/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng).

- Để việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đảm bảo tính thường xuyên liên tục, UBND xã đã thường xuyên, rà soát, kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo khi có sự thay đổi về nhân sự, Quyết định: Số 72/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 về kiện toàn Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng; số 74/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 về kiện toàn Ban chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06; số 156/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 về kiện toàn Tổ ứng cứu Công nghệ và Nghiệp vụ hỗ trợ, giải quyết thủ tục hành chính xã Đại Đồng; số 246/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 về kiện toàn Ban chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06.

- Tháng 7/2026, theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, nhằm kịp thời chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã, UBND xã đã xây dựng và ban hành các văn bản kiện toàn BCĐ xã như sau:

+ Quyết định số 452/QĐ-CTUBND ngày 22/7/2026 của Chủ tịch UBND xã về kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 của xã Đại Đồng.

+ Quyết định số 01/QĐ-BCĐCĐS ngày 22/7/2026 của Ban chỉ đạo xã về thành lập Tổ giúp việc của Ban chỉ đạo xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 xã Đại Đồng.

+ Quyết định số 02/QĐ-BCĐCĐS ngày 22/7/2026 của Ban chỉ đạo xã về ban hành Quy chế hoạt động của BCĐ xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính, Đề án 06 của xã Đại Đồng.

*** Việc thành lập kiện toàn và phân công nhiệm vụ cho các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn**

Để kịp thời triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả và hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, UBND xã đã ban hành các Quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng xã và các thôn (11 Tổ) với tổng số trên 100 thành viên với nhiệm vụ tuyên truyền, kịp thời hỗ trợ những khó khăn, vướng mắc cho người dân trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ, điện tử (máy tính, điện thoại thông minh) để sử dụng các nền tảng số khai thác thông tin, sử dụng dịch vụ số, nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt,...

(Phụ lục 2 - Các Quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng)

*** Tập huấn về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và Tổ công nghệ số cộng đồng**

Tháng 7/2026, UBND xã đã ban hành Kế hoạch và tổ chức tập huấn cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức thuộc các phòng, ngành, đơn vị xã và thành viên của 11/11 Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn. Nội dung chủ yếu (bài giảng) như sau:

- Tổng quan về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động của chính quyền cơ sở.
- Ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo trong soạn thảo văn bản, tổng hợp báo cáo, hỗ trợ giải quyết công việc hành chính.
- Một số lưu ý về an toàn thông tin, bảo mật và bảo vệ dữ liệu cá nhân khi sử dụng nền tảng số và công cụ AI.
- Hiểu biết về AI và ứng dụng của AI trong giáo dục phổ thông
- Trợ lý AI trong biên soạn nội dung giáo dục trẻ thơ
- Thiết kế học liệu thị giác và góc STEAM sáng tạo
- Sáng tạo Video hoạt hình và "Vạn vật biết nói" và Xây dựng Video bài giảng
- Lập kế hoạch giáo dục và Kết nối phụ huynh thời đại số
- Ứng dụng AI trong xây dựng bài giảng
- Ứng dụng AI trong thiết kế học liệu số
- Ứng dụng AI hỗ trợ xây dựng bài kiểm tra và đánh giá học sinh.

Kết quả: Khóa học đã thu hút 400 học viên tham gia, sau khóa đào tạo, tập huấn, cơ bản 100% cán bộ, công chức, viên chức xã, thành viên tổ công nghệ số cộng đồng các thôn lĩnh hội, vận dụng, sử dụng được những kỹ năng số cơ bản, kỹ năng sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) linh hoạt để thực thi nhiệm vụ, kỹ năng nhận diện dấu hiệu mất an toàn thông tin mạng, dấu hiệu lừa đảo trên không gian mạng.

*** Về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nguồn nhân lực xã**

- UBND xã đã cử 01 công chức Phòng Văn hóa - Xã hội theo học văn bằng 2, chuyên ngành CNTT do Sở Nội vụ tỉnh tham mưu, triệu tập.

- Từ ngày 01/7/2025-30/8/2026, UBND xã đã cử 100 lượt lãnh đạo, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ an ninh mạng, an ninh phi truyền thống, chuyển đổi số, kỹ năng số, sở hữu trí tuệ, đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó có một số khóa học đã cấp Chứng nhận hoàn thành cho học viên đạt yêu cầu.

- Nhằm trang bị cho người dân, người lao động trong các công ty, doanh nghiệp kỹ năng để tương tác với môi trường số, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số khác, đồng thời trang bị kỹ năng nhận diện dấu hiểu lừa đảo trên mạng, UBND xã ban hành văn bản hướng dẫn, khuyến khích người dân tham gia khóa học trực tuyến trên nền tảng "Bình dân học vụ số"; tham gia Phong trào "Bình dân học vụ số", "Ngày hội toàn dân học tập số"; khuyến khích các em học sinh tham gia Phong trào "Bình dân học vụ số" với chủ đề "Cùng em vững bước an toàn trên không gian mạng" tại các đường link cụ thể về phong trào "Bình dân học vụ số", địa chỉ nền tảng học trực tuyến MOOCs,... Qua đó, đã tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ số trong cuộc sống số hàng ngày, từ kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm trực tuyến an toàn, kỹ năng nhận diện các trang web và dịch vụ lừa đảo,... Trên nền tảng "Bình dân học vụ số" do tỉnh triệu tập tham gia, UBND xã đã có trên 22 nghìn lượt người tham gia học tập, xếp thứ hai toàn tỉnh theo kết quả tổng hợp của nền tảng.

*** Những khó khăn, hạn chế về nhân lực, trình độ, kỹ năng công nghệ thông tin**

Xã chưa có nhân lực được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, an ninh mạng. Nguồn nhân lực số chưa đồng đều, trình độ, năng lực, kỹ năng số của một số bộ phận, cán bộ, công chức, viên chức xã, thành viên tổ công nghệ số cộng đồng thôn (dù đã được tập huấn) còn có lúc hạn chế, dẫn đến lúng túng khi vận hành hệ thống số hóa, khai thác dữ liệu, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp.

3. Công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Ủy ban nhân dân xã đã chủ động, hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và những lợi ích tích cực của công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số mang lại trong hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh,...

*** Hình thức tuyên truyền**: Vận dụng, áp dụng linh hoạt các hình thức tuyên truyền, đa dạng, phong phú, nội dung dễ tiếp nhận, dễ hiểu, cụ thể:

- Tuyên truyền, quán triệt thông qua Hội nghị, các buổi sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội xã, các buổi họp chuyên môn của các phòng, ngành, đơn vị xã.

- Tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng (Đài truyền thanh xã, cụm loa truyền thanh thôn, Cổng thông tin điện tử xã, trang fanpage Đại Đồng phát triển và một số nền tảng số tích cực).

- Lồng ghép tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa trong các Hội thi, Hội diễn, Liên hoan văn hóa, văn nghệ quần chúng.

*** Nội dung tuyên truyền**

- Chú trọng tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ đã được Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đưa ra tại Nghị Quyết 57, các Kế hoạch: số 416- KH/TU ngày 22/4/2025; số 433-KH/TU ngày 11/6/2025; số 440-KH/TU ngày 20/6/2025; số 443-KH/TU ngày 25/6/2025 và Thông báo Kết luận; các Kế hoạch của UBND tỉnh, BCĐ xã, UBND xã gắn với các nhiệm vụ thực tiễn của cơ quan, đơn vị, phù hợp tình hình thực tiễn.

- Đẩy mạnh thông tin, phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp về dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, các dịch vụ công thiết yếu.

*** Kết quả**: Từ ngày 01/7/2025-30/8/2026, UBND xã đã tổ chức thực hiện tuyên truyền, lồng ghép tuyên truyền khoảng trên 30 Hội nghị, hoạt động có nội dung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thực hiện thông tin, phổ biến, tuyên truyền tới 100% người dân và doanh nghiệp; đã tập huấn cho 400 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Tổ công nghệ số cộng đồng. Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã phối hợp với lực lượng đoàn viên chi đoàn, Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn cho 9.505 lượt công dân và doanh nghiệp có nhu cầu khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ số trên các nền tảng số.

*** Đánh giá sự chuyển biến về nhận thức, kỹ năng sử dụng công nghệ của cán bộ và Nhân dân sau các hoạt động hướng dẫn tuyên truyền**: Công tác thông tin, phổ biến, hướng dẫn tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đã và đang có những hiệu quả thiết thực trong nhận thức và hành động thực tiễn của cán bộ và Nhân dân, kỹ năng sử dụng, vận dụng, khai thác công nghệ của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân được nâng lên rõ rệt. 100% cán bộ, công chức, viên chức hiểu và sử dụng công nghệ số hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ, tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số thành thạo hơn; 100% các nhiệm vụ được trình ký, ký số trên môi trường điện tử; Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp, nhất là người trẻ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, ... cao hơn; một số bộ phận người dân đã thoát khỏi tâm lý, thói quen nộp hồ sơ trực tiếp, chủ động đến Công an xã để làm định danh mức độ 2 theo quy định; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 100%.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

*** Hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý nhà nước về giáo dục, y tế và các lĩnh vực khác**

- Đã ban hành văn bản yêu cầu các cơ sở Giáo dục tăng cường công tác quản lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng liên quan đến công tác chuyển đổi số giáo dục; triển khai nâng cấp hệ thống quản lý nhà nước SMAS 4.0 tại các cơ sở giáo dục; đã và đang triển khai tới 08 cơ sở Giáo dục trong xã về việc kết nối, đồng bộ dữ liệu học bạ số, tạo lập văn bằng số để cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đạo tạo theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. 100% các trường học đã thực giáo án điện tử, lập bảng điện tử, vận dụng công nghệ AI hiệu quả trong hoạt động dạy và học.

- Hiện nay, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã đã và đang vận dựng, ứng linh linh hoạt CNTT, công nghệ AI, công nghệ số trong hoạt động dạy và học, như: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác bán trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử,... sử dụng sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, giáo án điện tử,... Ngoài ra, các cơ sở giáo dục còn sử dụng CNTT trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính, đăng, tải thông tin tuyển sinh,... Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy và học; tạo ra môi trường học tập hiện đại, sáng tạo, linh hoạt; góp phần phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; giúp học sinh tư duy sáng tạo, phát triển khả năng tự học.

- Việc ứng dụng khoa học, công nghệ và thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực y tế trên địa bàn xã đã và đang triển khai đồng bộ; thực hiện khám sức khỏe toàn dân; thực hiện làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu y tế, dược, khám, chữa bệnh,... Mặc dù nhân lực (thiếu) và hạ tầng CNTT của ngành y tế (thiếu, xuống cấp,...) còn chưa thật sự chưa đáp ứng theo yêu cầu trong tình hình mới, nhưng đội ngũ y tế xã đã tích cực tăng cường khám sức khỏe toàn dân, phục vụ Nhân dân.

*** Mô hình sáng kiến, cách làm mới ứng dụng công nghệ, kết quả, hiệu quả**

UBND xã đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn đẩy mạnh tuyên truyền về hoạt động khoa học công nghệ, kinh tế số, nhấn mạnh sự khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đổi mới mô hình kinh doanh trong phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng linh hoạt công nghệ số, quản trị số để tạo ra các giá trị mới, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, đảm bảo tính phù hợp với nhu cầu của khách hàng, vận dụng nền tảng kết nối với khách hàng ở bất cứ nơi đâu, kết nối người bán và người mua thông qua nền tảng công nghệ số. Trong thời gian qua, tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể vận dụng các nền tảng công nghệ để bán hàng, có sự đổi mới mô hình kinh doanh trong hoạt động kinh doanh số. Một số mô hình sản xuất, chăn nuôi bước đầu đã và đang tiếp nhận, ứng dụng công nghệ hiệu quả, như: Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Xuân Đào, chuyên trồng các loại hoa, cây dược liệu, cây cảnh, trong đó có sản phẩm hoa cúc chi đã ứng dụng công nghệ sấy khô, đóng gói, in nhãn mác, bảo quản; Hợp tác xã Sen Việt Hưng, đạt tiêu chuẩn

VIETGAP, đã ứng dụng công nghệ sấy khô, công nghệ bảo quản, chế biến hạt sen; mô hình sản xuất rượu Hải Tửu ứng dụng công nghệ nấu, bảo quản, đóng chai và rán nhãn mác sản phẩm, làng nghề đúc đồng Lộng Thượng ứng dụng công nghệ đúc khuôn, phủ bóng, nhãn mác thương hiệu sản phẩm.

Năm 2026, xã tiếp tục ứng dụng thành quả khoa học, công nghệ để thực hiện 02 mô hình:

Mô hình 1: Mô hình nuôi gà giống Đông Tảo Lai (Đông Tảo x Lượng Phượng) an toàn sinh học tại xã Đại Đồng.

Mô hình 2: Xây dựng mô hình liên kết sản xuất khoai tây Atlantic từ củ giống khí canh theo hướng hữu cơ tại xã Đại Đồng.

Đến thời điểm hiện tại (10/9/2026), xã Đại Đồng cơ bản đã triển khai xong 01 mô hình, đó là mô hình nuôi gà giống Đông Tảo Lai (Đông Tảo x Lượng Phượng) an toàn sinh học tại xã Đại Đồng (Tìm hiểu, lựa chọn đơn vị cung ứng giống; tổ chức Hội nghị triển khai; tổ chức tập huấn kỹ thuật), đang hoàn thiện thủ tục hồ sơ chứng từ thanh quyết toán kinh phí. Mô hình 2 sẽ được triển khai từ tháng 9-12/2026 (do tính chất đặc thù mùa vụ khoai tây vào quý 4 hàng năm).

UBND xã đã có văn bản đề xuất cấp tỉnh tiếp tục hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 mô hình trong năm 2027 "Nghiên cứu thành phần hóa học, đánh giá hoạt tính y dược, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, phát triển một số sản phẩm từ hoa cúc vàng (Chrysanthemum indicum) tại vùng nguyên liệu đạt GDCP-WHO tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên".

*** Khó khăn, hạn chế**

- Là một xã có mật độ công ty, doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể mỏng, chủ yếu phát triển kinh tế nông nghiệp, thương mại, vận tải, dịch vụ và công nghiệp còn yếu, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công tác sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ chưa phong phú, chủ yếu gắn với lĩnh vực nông nghiệp, nghề truyền thống. Việc ứng ứng những tiến bộ của khoa học vào các lĩnh vực đời sống xã hội còn hạn chế, mới chủ yếu ở lĩnh vực nông nghiệp, địa phương có ít sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng đề nghị Tỉnh xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chưa phát huy được giá trị, đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

- Việc nuôi gà Đông Tảo - giống gà quý hiếm đặc sản thường gặp khó khăn về kỹ thuật chăn nuôi, chi phí đầu vào (giống đắt), chi phí phát sinh và thị trường đầu ra của sản phẩm; trong quá trình chăn nuôi phải áp dụng triệt để mô hình an toàn sinh học để giảm thiểu rủi ro về bệnh tật.

- Việc triển khai mô hình trồng khoai tây khí canh giống Atlantic đòi hỏi người trồng phải tuân theo mô hình nhà màn (màn lưới), giàn khung, hệ thống phun sương tự động, điều chỉnh nhiệt độ phù hợp, đòi hỏi người vận hành pahir có chuyên môn về sinh lý thực vật và tự động hóa để phát hiện, kịp thời xử lý những rủi ro phát sinh.

2. Xây dựng chính quyền số

2.1. Hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin

*** Thực trạng hạ tầng CNTT**

Hạ tầng CNTT được ưu tiên phát triển nhanh, phát triển trước để đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã. UBND xã đã phối hợp cùng các đơn vị doanh nghiệp viễn thông - CNTT nâng cấp đường truyền mạng internet băng rộng cáp quang tại các cơ quan nhà nước và 100% các thôn, làng (tính cả các hộ dùng chung gói cước); đã đầu tư, mua sắm trang thiết bị máy móc CNTT cho hoạt động của các cơ quan nhà nước, đảm bảo thông suốt, đặc biệt ưu tiên đầu tư cho hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã được trang bị thiết bị, hạ tầng công nghệ (08 máy tính, 01 máy phô tô và scan tài liệu, 05 máy scan A4, A3, 06 máy in, 01 máy lấy số tự động kết hợp màn hình hiển thị tra cứu thông tin, 02 màn hình led hiển thị thông tin, 01 màn hình hiển thị số thứ tự, 05 màn hình theo dõi thông tin, 01 kios thông minh, mạng wifi riêng,...), cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đã hoàn thành nâng đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ (mạng LAN), đầu tư, mua sắm các trang thiết bị đầu cuối, máy tính,... cho cán bộ, công chức, viên chức và các thôn, để thực thi nhiệm vụ theo quy định. Xã hiện có 01 kênh truyền số liệu chuyên dùng, đã đăng ký thêm TSLCD vào năm 2027. Hạ tầng CNTT phục vụ Hội nghị trực tuyến hoạt động ổn định; hệ thống camera của xã phát huy hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, kiểm soát người ra, vào trụ sở liên hệ công việc. Hạ tầng kết nối số tiếp tục được mở rộng, phủ sóng 4G đến 100% số thôn, làng trên địa bàn. Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh ngày càng cao. trên 90% người dân trong độ tuổi trưởng thành có điện thoại thông minh có kết nối 3G,4G, đang định hướng phủ sóng 5G.

Xã đã thực hiện cung cấp thông tin đầy đủ trên môi trường mạng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tỷ lệ hồ sơ công việc trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành đạt 100%. Tỷ lệ thực hiện chữ ký số cá nhân của các đồng chí lãnh đạo quản lý đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định). Xã đã thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, trong đó tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 100%. Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế và các cơ sở thôn trên địa bàn xã đã được cấp tài khoản phần mềm quản lý văn bản và điều hành, kết nối đồng bộ, liên thông đạt 100%.

Cán bộ lãnh đạo quản lý và CCVC nói chung trong toàn xã đã lập, tham gia các nhóm Zalo công việc chung theo ngành, lĩnh vực phụ trách, nhằm kịp thời nắm bắt thông tin, trao đổi công việc, giúp xử lý công việc kịp thời gian. Các cơ quan nhà nước trên địa xã tiếp tục triển khai, ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung như: Phần mềm văn bản quản lý và điều hành, Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống báo cáo chính phủ… Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: CSDL quốc gia về dân cư, Tư pháp - hộ tịch, đất đai, đăng ký kinh doanh, bảo trợ xã

hội… đảm bảo ứng dụng và kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ, ngành, tỉnh triển khai.

*** Hoạt động của Cổng thông tin điện tử xã**

Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng được thành lập từ ngày 01/7/2025, hoạt động theo Quyết định số số 29/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã về việc thành lập Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng, Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND xã về việc ban hành Quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng; Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND xã về việc kiện toàn Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng. Từ khi được thành lập, đi vào hoạt động, Cổng thông tin điện tử xã đã kịp thời cung cấp tin, bài, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy - Hội động nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, trong đó bao gồm các mục: Thông tin tuyên truyền; Tin tức - Sự kiện; Chuyển đổi số; Cải cách hành chính; Văn bản ban hành; Bầu cử; Di tích lịch sử,.... Tính từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 30/8/2026, đã đăng trược gần 400 tin, bài phản ảnh tình hình hoạt động các lĩnh vực của xã, trong đó có trên 60 tin, bài về Chuyển đổi số; đã đăng được trên 1750 văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện của xã lên Cổng thông tin điện tử.

*** Những thiết bị còn thiếu, xuống cấp, cần đầu tư, nâng cấp**

Sau khi được đầu tư, trang bị, nâng cấp hệ thống mạng LAN, máy tính,..., hệ thống mạng internet, mạng LAN, hạ tầng CNTT xã cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về cấp độ an toàn thông tin và nhu cầu công việc trong thời đại số. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn tình trạng: máy tính đã cũ, xuống cấp, cấu hình thấp; thiết bị, mà hình họp trực tuyến độ phân giải chưa cao; thiếu máy in, máy scan tài liệu, mạng wife đôi lúc vẫn chập chờn, thiết bị CPU, thiết bị lưu điện,...

2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành

*** Việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, trao đổi, xử lý văn bản điện tử, sử dụng thư điện tử và ký số**

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước ngày càng được nâng lên, đã và đang mang lại hiệu quả tích cực, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị xã cơ bản đã linh hoạt trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành, triển khai công việc. 100% cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý đã ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành công việc; thực hiện các thao tác giao nhiệm vụ theo phân cấp phân quyền trên hệ thống điều hành và quản lý văn bản. Ngoài ra, để thuận tiện, cán bộ lãnh đạo quản lý và CCVC nói chung trong toàn xã đã lập, tham gia các nhóm Zalo công việc chung theo ngành, lĩnh vực phụ trách (trừ văn bản mật theo quy định), nhằm kịp thời nắm bắt thông tin, trao đổi công việc, giúp xử lý công việc kịp thời gian. Trong giới hạn cho phép, nhiều cán

bộ, công chức, viên chức đã linh hoạt vận dụng trí tuệ nhân tạo AI, CHATGPT, NotebookLM,... để tham khảo, xử lý trong công việc chuyên môn.

- Trong thời gian qua, 100% văn bản của UBND xã được ký số, phát hành trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định). Xã đã thực hiện cung cấp thông tin đầy đủ trên môi trường mạng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tỷ lệ hồ sơ công việc trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành đạt 100%. Tỷ lệ thực hiện chữ ký số cá nhân của các đồng chí lãnh đạo quản lý đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định). 100% văn bản của các đơn vị trường học đều được ký số, phát hành trên môi trường mạng (qua hệ thống phần mềm quản lý và điều hành); tỷ lệ xử lý hồ sơ trên nền tảng số của cán bộ, công chức, viên chức (cả viên chức Giáo dục) đạt 100%, như: xử lý công việc, nhiệm vụ hàng ngày được gia trên môi trường điện tử (xin ý kiến, trình ký, phân luồng công việc, giáo án số, kế hoạch dạy học số, học bạ số, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức số,...). Theo kết quả tổng hợp, đánh giá của UBND tỉnh về tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử, hiện tại xã Đại Đồng đã đảm bảo đạt tỷ lệ 100%.

- Từ ngày 01/7/2025-30/8/2026, UBND xã đã đề nghị cấp hòm thư Email công vụ cho tổng số 75 cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm cả viên chức của Trạm Y tế xã và Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng xã). Đã đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, Ban cơ yếu Chính phủ cấp mới, gia hạn, thay đổi thông tin cho tổng số 50 cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm cả viên chức của Trạm Y tế xã và Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng xã).

*** Việc tổ chức họp trực tuyến, hiệu quả ứng dụng công nghệ**

Thời gian qua, UBND xã thường xuyên kết nối họp trực tuyến trên các nền tảng mạng theo hướng dẫn, quy định (Triển khai học tập Nghị quyết, triển khai một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn mới được ban hành, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác). Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc triển khai họp trực tuyến giúp giảm thiểu giấy từ, in, phô tô các loại giấy tờ, hồ sơ, tài liệu, trình ký, lưu trữ văn bản giấy, cấp, phát tài liệu,... sang họp trực tuyến, không giấy từ, thực hiện ký số, chuyển phát tài liệu, hồ sơ trên môi trường điện tử, quét mã,... qua đó, rút ngắn thời gian và nâng cao hiệu suất công việc, tránh tình trạng thất lạc giấy tờ, hồ sơ.

2.3. Số hóa hồ sơ, dữ liệu

- UBND xã chỉ đạo thực hiện việc số hóa hồ sơ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo hiệu quả, kịp thời. Trong 01 năm qua, công tác số hóa hồ sơ, tài liệu, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã thường xuyên được thực hiện. Đến nay, xã đã đảm bảo tỷ lệ 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tài liệu, hồ sơ công việc hàng ngày được thực hiện, xử lý, lưu trữ trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%.

- Trong 01 năm qua, UBND xã đã ban hành các văn bản (Quyết định, Kế hoạch, Công văn) để chỉ đạo, khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử; thực hiện làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa các dữ liệu thuộc 12 CSDL chuyên ngành (Y tế, giáo

dục, đất đai, dân cư, hộ tịch - tư pháp, khám chữa bệnh,...). Đến nay, cơ bản các nguồn dữ liệu đảm bảo bảo đúng - đủ - sạch - sống và dùng chung. UBND xã đã có văn bản đề xuất nhu cầu được sử dụng, khai thác dữ liệu của các sở, ngành, liên quan để phục vụ nhiệm vụ quản trị, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Việc kết nối, đồng bộ và sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung thường xuyên được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giảm thời gian xử lý thủ công, hạn chế việc nhập liệu thủ công dễ bị trùng lặp khi giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ được dữ liệu từ cấp cơ sở dữ liệu quốc gia, của các bộ, ngành, đảm bảo theo phân quyền truy cập, tuân thủ các quy định về an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo nguyên tắc đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung. Hiện nay, xã đang thực hiện, khai thác các nhóm dữ liệu dùng chung như: cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh về hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, phần mềm quản lý văn bản và điều hành; cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành về dữ liệu hộ tịch tư pháp, lao động, thương binh và xã hội, y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội,...

- Thời gian qua, công tác số hóa hồ sơ, tài liệu, quản lý dữ liệu cũng gặp những khó khăn, vướng mắc như: Kinh phí dành cho việc chỉnh lý hồ sơ, tài liệu, mua sắm các trang thiết bị và thuê các dịch vụ số hóa còn hạn hẹp; hạ tầng số, phần mềm lưu trữ chưa đồng bộ; nguồn nhân lực số, nhân lực thực hiện số hóa, chỉnh lý và quản lý dữ liệu còn thiếu, chủ yếu là cán bộ làm khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phải kiêm nhiệm; trình độ và kỹ năng ứng dụng công nghệ số, xử lý dữ liệu chuyên sâu còn có hạn chế; nhân lực cấp xã chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ lưu trữ số và vận hành phần mềm chuyên ngành, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dữ liệu đầu ra phục vụ khai thác, sử dụng, chia sẻ. Phần mềm quản lý dữ liệu chuyên ngành còn bị lỗi quá tải, mất kết nối,... Dữ liệu giữa các ngành (mặc dù đã được làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa) nhưng đôi khi còn chồng chéo, thiếu liên tục, thiếu đồng nhất.

2.4. Chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính

- Hoàn thành việc tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia với 452 TTHC cấp xã đã được UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia (bao gồm cả các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Công an).

- Đã cấu hình và thiết lập tài khoản cho 100% cán bộ, công chức thuộc UBND xã trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hưng Yên phục vụ cho việc tiếp nhận và giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.

- Đảm bảo duy trì và cung cấp 25 dịch vụ công thiết yếu đã tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Từ ngày 10/9/2025 đảm bảo 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Kết quả: Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/8/2026 tổng số hồ sơ tiếp nhận

trong kỳ tại Trung tâm phục vụ HCC là 10.208 hồ sơ, trong đó:

- Số hồ sơ trực tuyến là 9.505, tỉ lệ 93,11%;

- Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp là 703 hồ sơ, tỉ lệ 6,89.

- Số hồ sơ đã giải quyết 10.037/10.208 hồ sơ, tỉ lệ 98,3%;

+ Hồ sơ đúng hạn: 9.971/10.037 hồ sơ, đạt 99,3%;

+ Hồ sơ quá hạn: 66/10.037 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,7%;

+ Hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết: 175/10.208 hồ sơ, tỉ lệ 1,7%

- Tỷ lệ số hóa kết quả là 99,69%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt 99,3%.

- Các lĩnh vực có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cao, thấp:

+ Cơ sở dữ liệu dân cư, TTHC: Tiếp nhận và xử lý 100% hồ sơ.

+ Cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh: Tiếp nhận, xử lý 680/680 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

+ Cơ sở dữ liệu đất đai: Tiếp nhận, xử lý 534/535 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,8%.

+ Cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội: Tiếp nhận, xử lý 585/599 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,7%.

+ Cơ sở dữ liệu về người có công: Tiếp nhận, xử lý 78/80 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,5%.

+ Cơ sở dữ liệu hộ tịch: Tiếp nhận, xử lý trực tuyến 2.127/2.203 hồ sơ hộ tịch (khai sinh, khai tử, kết hôn), đạt 96,6%.

- UBND xã chỉ đạo Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã phối hợp Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Đoàn thanh niên, Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn hướng dẫn, hỗ trợ người dân tạo tài khoản, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến với tổng số 9.505 lượt hồ sơ trực tuyến.

- Việc hỗ trợ người cao tuổi, người ít sử dụng công nghệ, người yếu thế có thể tiếp cận, sử dụng, khai thác, sử dụng dịch vụ số, nộp hồ sơ trực tuyến luôn được Trung tâm Phục vụ Hành chính công, công chức các phòng, ngành liên quan, Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện hiệu quả. Trong năm qua, đã hỗ trợ được trên 100 lượt người thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

* Việc triển khai chính quyền số tại xã Đại Đồng đã có những bước tiến đáng kể, như: giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng dịch vụ công, quản lý dữ liệu và quản lý hành chính hiệu quả hơn; người dân được hưởng lợi từ các dịch vụ công tiện ích, dễ dàng tiếp cận thông tin và giải quyết các thủ tục hành chính nhanh, gọn, hiệu quả; việc công khai, minh bạch dữ liệu và giải quyết thủ tục hành chính công bằng, hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

3. Thực hiện Đề án 06 và khai thác dữ liệu dân cư

UBND xã đã chỉ đạo Công an xã tiếp tục tập trung thực hiện Đề án 06 (theo ngành dọc giao nhiệm vụ) và các nhiệm vụ chuyên môn khác về chuyển đổi số, theo đó tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đạt 100%; đã triển khai thực hiện chiến lược phát triển dữ liệu và quy hoạch tổng thể hạ tầng trung tâm dữ liệu ngành, chú trọng tháo gỡ điểm nghẽn, xây dựng, kết nối, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu Công an nhân

dân; đã triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông Công an xã; thực hiện đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật. Tiếp tục hướng dẫn công dân đủ từ 14 tuổi trở lên trong toàn xã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2; tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho công dân tích hợp giấy tờ, nhằm thuận tiên trong việc giao dịch, thực hiện thủ tục và nộp hồ sơ trực tuyến của công dân; đã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 được 86,6%.

4. Phát triển xã hội số

4.1. Hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ số; đào tạo phổ cấp kỹ năng số cho người dân

- Trong thời gian qua, toàn xã đã thực hiện hiệu quả việc tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trong đó chú trọng tính tiện lợi, gọn gàng, tiết kiệm thời gian đi lại, có thể thao tác tại nhà để nộp hồ sơ online bằng thiết bị công nghệ thông minh (máy tính, điện thoại), phân tích kỹ những ưu điểm khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Kết quả: thời gian qua, đã hướng dẫn cho 9.505 lượt người dân biết dùng smartphone và sử dụng dịch vụ số, gop phần nâng tỷ lệ người dân, nhất là một số công dân cao tuổi cũng đã thấu hiểu hơn và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Nhằm trang bị cho người dân, người lao động trong các công ty, doanh nghiệp kỹ năng để tương tác với môi trường số, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số khác, đồng thời trang bị kỹ năng nhận diện dấu hiểu lừa đảo trên mạng, UBND xã ban hành văn bản về tham gia khóa học trực tuyến trên nền tảng "Bình dân học vụ số" gắn với tổ chức triển khai đồng bộ phong trào "Bình dân học vụ số", "Ngày hội toàn dân học tập số",... tại các đường link cụ thể về phong trào "Bình dân học vụ số", địa chỉ nền tảng học trực tuyến MOOCs,... Qua đó, đã tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ số trong cuộc sống hàng ngày, từ kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm trực tuyến an toàn, kỹ năng nhận diện các trang web và dịch vụ lừa đảo.

- Sau khi được thành lập và kiện toàn nhân sự, với vai trò là lực lượng nòng cốt tại cơ sở thôn, là "cánh tay nối dài" của chính quyền cấp xã, nhằm đưa công nghệ số, chuyển đổi số đến từng hộ gia đình và người dân, 11/11 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn trong xã đã và đang hoạt động hiệu quả: Triển khai hướng dẫn cài đặt, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử; hướng dẫn nộp hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến tại nhà; hướng dẫn sử dụng một số tiện ích y tê, giáo dục, tra cứu kết quả học tập, hướng dẫn sử dụng các nhóm zalo công việc của làng (thôn),... đồng thời Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn đã làm tốt công tác thông tin, phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, cách nhận diện, phòng ngừa lừa đảo trên không gian mạng.

4.2. Thanh toán không dùng tiền mặt

- UBND xã đã xác định, việc tuyên truyền, xây dựng và phổ cập thanh toán điện tử tới doanh nghiệp và người dân là một trong các nhiệm vụ cần kíp, là xu thế

tất yếu trong thời đại số, từ đó đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn không chỉ tăng cường tuyên truyền mà còn phổ cập tới đông đảo người dân và doanh nghiệp về việc thanh toán điện tử. Thời gian qua, việc thanh toán điện tử trên địa bàn xã đang ngày càng phổ biến, sự phát triển nhanh chóng của các giao dịch trực tuyến, hình thức quét mã thanh toán được doanh nghiệp và người dân áp dụng rộng rãi, ước khoảng trên 70% người dân đã dần bỏ đi thói quen thanh toán tiền mặt, chuyển sang hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (thanh toán trên nền tảng mạng: quét mã, chuyển qua tài khoản, chuyển qua dịch vụ số như ví momo, dịch vụ ngân hàng,... để thanh toán tiền điện, nước, ăn, uống, đóng học phí, lệ phí, thu phí, dịch vụ mua sắm online,...).

- Thuận lợi, khó khăn của việc thanh toán không dùng tiền mặt

+ Thuận lợi: Việc sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt giúp chúng ta tiết kiệm thời gian, giao dịch nhanh chóng, an toàn, tránh rủi ro mất cắp, bị nhầm tiền giả, giúp chúng ta quản lý tài chính, chi tiêu dễ dàng.

+ Khó khăn: Dễ gặp rủi ro về an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao và rào cản hạ tầng, thói quen.

5. Sử dụng kinh phí dành cho công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

*** Tình hình kinh phí được cấp, đầu tư**

- Đầu năm 2026, xã được UBND tỉnh duyệt, cấp kinh phí xấp xỉ 2,5 tỷ, trong đó:

+ Kinh phí tập huấn: 300 triệu đồng;

+ Kinh phí Hạ tầng CNTT (mạng LAN,...): 850 triệu đồng;

+ Kinh phí triển khai 02 mô hình ứng dụng công nghệ: 1.030 triệu đồng.

- UBND xã Đại Đồng đã cân đối, bố trí kinh phí địa phương 1,2 tỷ đồng dành cho đầu tư, mua sắm trang thiết bị hạ tầng CNTT, máy tính, máy in,...

- Tháng 7/2026, UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí cho xã 1.550.000.000đ:

+ Kinh phí đầu tư, nâng cấp mạng LAN: 1.200.000.000đ.

+ Kinh phí tạo lập và vận hành trang Zalo OA (Zalo Mini App): 200.000.000đ.

+ Kinh phí lắp đặt wifi công cộng: 150.000.000đ.

*** Hình hình sử dụng kinh phí (giải ngân)**

+ Đã hoàn thành gói tuyên truyền, tập huấn chuyển đổi số: 300.000.000đ

+ Kinh phí hạ tầng mạng LAN: 850.000.000đ.

+ Kinh phí mua săm các trang thiết bị (máy tính,...): 1.200.000.000đ.

+ Kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng KHCN: 505.000.000đ.

(Đang chờ duyệt hồ sơ thanh quyết toán)

*** Kinh phí giải ngân trong quý 4/2026**

+ Kinh phí lắp đặt wifi công cộng: 150.000.000đ.

+ Kinh phí đầu tư, nâng cấp mạng LAN: 1.200.000.000đ.

+ Kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng KHCN: 525.000.000đ.

- Tiếp tục xin tỉnh bổ sung kinh phí thực hiện nâng cấp hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT: 650.000.000đ.

6. Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

UBND xã Đại Đồng luôn sâu sát trong công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, thường xuyên rà soát hạ tầng máy móc thiết bị, phần mềm phòng, chống mã độc, cụ thể:

- Đã triển khai cài đặt phần mềm phòng chống mã độc (BKAV, SMART IR, Kaspersky); đã rà soát, đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ, tiếp tục cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc SMART IR cho 100% máy tính thuộc các phòng, ban, đơn vị xã (do phần mềm cũ đã sắp hết hạn); đã hoàn thành rà soát, đăng ký về bản quyền window, office cho toàn bộ hệ thống máy tính của 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc xã vào năm 2027.

- Tham gia tập huấn, diễn tập thực chiến theo triệu tập của cấp trên.

- Đã ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng thông tin xã Đại Đồng;

- Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 25/5/2026 về việc đề nghị Công an tỉnh phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ (mạng LAN) cấp độ 2 tại UBND xã Đại Đồng, kèm theo Hồ sơ cấp độ của xã Đại Đồng. Đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn cho hệ thống thông tin, an ninh mạng xã; đã ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin cho 04 hệ thống thông tin cốt lõi của xã (Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành; Cổng thông tin điện tử xã; hệ thống một cửa; hệ thống cổng dịch vụ liên thông các bộ, ngành).

- Từ ngày 01/7/2025 đến 31/5/2026, trên địa bàn xã chưa ghi nhận phát sinh sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng nghiêm trọng.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Nghị quyết đã đặt ra những định hướng rõ ràng cho phát triển kinh tế- xã hội, xác định rõ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một trong những đột phá chiến lược hàng đầu.

- Nghị quyết đã góp phần đổi mới tư duy quản lý nhà nước trong chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Chỉ đạo rõ ràng, cụ thể, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Hạn chế

- Còn tình trạng một số nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số chưa được kịp thời, đồng bộ, đôi lúc đạt hiệu quả chưa cao.

- Tốc độ xử lý của hệ thống Cổng DVCQG nhiều lúc xử lý chậm; Tình trạng treo trang, không truy cập được vẫn còn xảy ra; Tốc độ tải biểu mẫu, đính kèm hồ sơ còn chậm dẫn đến việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến bị kéo dài thời gian.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân vẫn đang đối mặt với những rủi ro; một số cơ quan, đơn vị, cá nhân còn hạn chế trong việc khai thác dữ liệu dùng chung, sử dụng trợ lý ảo (AI) và các ứng dụng hỗ trợ khác còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

*** Nguyên nhân khách quan**

- Công cuộc tinh gọn bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp với tổng số biên chế về công chức, viên chức theo định biên cụ thể, nên hiện tại chưa thể tuyển dụng công chức chuyên trách về công nghệ thông tin, dẫn đến nguồn nhân lực cho công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thiếu, chưa có cán bộ chuyên trách, hiện nay đang là đồng chí Phó trưởng phòng Văn hóa - Xã hội chuyên trách trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Hiện tại, đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khối lượng, số lượng công việc, nhiệm vụ nhiều, độ khó công việc cao, thời hạn xử lý thực thi nhiệm vụ ngắn (ít), thậm chí có nhiều nhiệm vụ đột xuất, phát sinh, hỏa tốc.

- Cơ sở hạ tầng CNTT, cơ sở vật chất, hệ thống máy móc đôi khi vẫn gặp trục trặc trong quá trình vận hành, khai thác; còn một số máy móc thiết bị đã cũ, xuống cấp. Việc cung cấp, tiếp nhận và xử lý các thủ tục trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đôi khi chưa thông suốt, nhanh, kịp thời.

- Kinh phí để đầu tư cho các hoạt động khoa học công nghệ và chuyển đổi số đòi hỏi là rất lớn, trong khi nguồn ngân sách còn hạn chế, chưa đảm bảo tối thiểu 3% tổng chi ngân sách địa phương.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Trình độ số, kỹ năng số, năng lực số, nhận thức số của một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động,... còn chưa đồng đều. Một số người dân khai thác, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số, hồ sơ trực tuyến còn hạn chế, chưa đạt hiệu quả đáp ứng yêu cầu.

- Công tác phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ giữa các phòng, ngành, đơn vị, các đơn vị đầu mối đôi khi chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tiếp tục bố trí kinh phí để đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin; hoàn thiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu; mở rộng kết nối với CSDL quốc gia. Có kế hoạch tuyển dụng, bố trí nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ

thông tin, chuyển đổi số phục vụ cho công tác tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Tiếp tục đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của chính quyền bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh công tác rà soát, chuẩn hóa dữ liệu nhằm thực hiện đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành tối ưu hóa quy trình, giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo người dân chỉ kê khai thông tin một lần khi giải quyết các thủ tục hành chính.

3. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính. Tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu số hóa với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái sử dụng thông tin khi người dân, doanh nghiệp thực hiện các TTHC khác mà không phải cung cấp lại thông tin đã có.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu, sử dụng hiệu quả Dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn cụ thể cho người dân, nhất là người lớn tuổi, người không rành công nghệ có thể nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Khi người dân nộp trực tuyến hồ sơ, các quy trình giải quyết hồ sơ, số hóa hồ sơ, số hóa kết quả sẽ rất nhanh và hiệu quả, giảm áp lực cho cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

5. Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ năng số và vận hành hệ thống thông tin mới của cán bộ, công chức, viên chức theo từng lĩnh vực, cấp hành chính và nhóm đối tượng sử dụng; Xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn và báo cáo kết quả đào tạo để làm cơ sở đánh giá kết quả chuyển đổi số hằng năm và đề xuất kế hoạch đào tạo bổ sung trong giai đoạn tiếp theo.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Kiến nghị đối với Thường trực HĐND xã

- Tiếp tục xem xét, bổ sung, kiện toàn cơ chế chính sách (đề nghị cấp có thẩm quyền kiện toàn cơ chế chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; tiếp tục bố trí nguồn nhân lực CNTT có chuyên môn chuyên trách.

- Xem xét, trình cấp có thẩm quyền tổ chức thực triển khai hỗ trợ cho người được UBND xã quyết định phân công trực tiếp chuyên trách đảm nhiệm nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị định của chính phủ.

- Tiếp tục chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW trên đại bàn xã đảm bảo mục đích, yêu cầu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội xã, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp xã Đại Đồng.

2.2 Kiến nghị đối với UBND xã

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm

vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với các nhiệm vụ chính trị của địa phương và gắn với các nhiệm vụ chuyên môn của ngành, lĩnh vực theo quy định.

2.3. Đề nghị sở Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cơ sở, nhất là người trực tiếp phụ trách công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chủ động rà soát, tổng hợp, lập biểu danh sách những nhiệm vụ cụ thể giao cho cấp xã, phường chủ trì thực hiện, đảm bảo tính đồng bộ, xuyên suốt, dễ thực hiện, dễ theo dõi, dễ tổng hợp báo cáo.

- Tiếp tục nghiên cứu, xem xét, tham mưu bố trí kinh phí dành cho công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhằm triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số một cách đồng bộ, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo tình hình kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Đại Đồng, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Đoàn giám sát, Ban VH-XH, HĐND xã Đại Đồng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Đoàn giám sát;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Thành